

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (ĐỢT 14)

(Ban hành kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND thành phố Vũng Tàu)

Công trình: Đường Rạch Bà 1, phường 11, thành phố Vũng Tàu

Số TT	NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT	ĐỊA CHỈ thửa đất thu hồi	DIỆN TÍCH ĐẤT THU HỒI (m ²)	DIỆN TÍCH ĐẤT BỒI THƯỜNG (m ²)	DIỆN TÍCH ĐẤT ĐÃ THU HỒI, BỒI THƯỜNG (m ²)	PHÂN LOẠI ĐẤT		CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG				CÁC KHOẢN HỖ TRỢ KHÁC	TỔNG CỘNG	GHI CHÚ
						ĐẤT Ồ	NÔNG NGHIỆP	ĐẤT	HOA MÀU	NHÀ, VKT	BỒI THƯỜNG KHÁC			
1	Ông (bà): Nguyễn Thị Nam Phương cùng sử dụng với các ông (bà) Nguyễn Quốc Chương, Phan Việt Hùng, Phạm Đức Thành, Nguyễn Thị Ngân, Nguyễn Khắc Tuấn (thuộc trường hợp chưa liên hệ được chủ sử dụng đất tại thời điểm thu hồi đất)	Phường 11, thành phố Vũng Tàu	1,30	1,30	0,00	0,00	1,30	4.180.800	0	0	0	0	4.180.800	
2	Ông (bà) Nguyễn Thị Kim Thoa, Lê Quốc Cường - Phạm Thị Ngọc Thu, Lại Văn Tám - Trương Thị Trâm, Phạm Xuân Thọ - Lê Thị Hằng Nga, Nguyễn Mạnh Đức - Đặng Thị Kim Lan, Phạm Quốc Tường - Ngô Thị Minh Huệ, Bá Chấn Chiến - Thái Thị Thanh Hải, Lê Trọng Nam - Đỗ Châu Kiều Linh, Đinh Xuân Quý - Nguyễn Hồng Hải, Nguyễn Ngọc Sơn - Trần Thị Hạnh Ngộ, Nguyễn Tiến Vượng - Lê Thị Hiền, Nguyễn Thị Hải, Ngô Thị Châm, Trịnh Văn Mãi - Nguyễn Thị An (đồng sử dụng đất)	Phường 11, thành phố Vũng Tàu	19,00	19,00	0,00	0,00	19,00	59.527.000	0	0	0	400.000	59.927.000	
3	Ông (bà) Lê Thị Khuyển; Nguyễn Chí Sơn; Phạm Văn Dũng (ù quyền cho ông Vũ Văn Đù); Nguyễn Thị Nam Phương; Nguyễn Thị Minh Phương	đường Bắc Sơn, phường 11, thành phố Vũng Tàu	216,90	216,90	0,00	0,00	216,90	697.550.400	0	0	0	0	697.550.400	

4	Ông (bà) Bùi Đức Huân	22/25 Ngô Văn Huyện, phường 2, thành phố Vũng Tàu	29,80	29,80		0,00	29,80	95.836.800	0	0	0	0	95.836.800	
5	Ông (bà): Huỳnh Văn Tuấn; Cao Văn Khương - Vương Thị Tuyết; Nguyễn Quang Trường; Phạm Quang Tuấn; Nguyễn Thị Hồng Vĩnh; Nguyễn Thị Huyền Ly; Trịnh Thị Kim Thi; Nguyễn Thị Oanh (ông Phạm Quốc Chính là người có liên quan) (đồng sử dụng đất)	Phường 11, thành phố Vũng Tàu	0,00	0,00	571,00	0,00	0,00	410.549.000	Diện tích 571,0m2 đã thu hồi, bồi thường tại Quyết định số 303/QĐ-UBND, 315/QĐ-UBND ngày 12/01/2023, nay bổ sung chênh lệch vị trí đất từ vị trí 5 đường Bắc Sơn (đường loại 4) sang vị trí 5 đường 30/4 (đường loại 2) theo văn bản điều chỉnh vị trí của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1089/TNMT-BT ngày 22/3/2023, đã được Hội đồng bồi thường hỗ trợ và TĐC thống nhất ngày 14/4/2023.				410.549.000	
6	Ông (bà): Nguyễn Xuân Thân - Nguyễn Thị Dung; Nguyễn Thành Trung; Phạm Thị Hiền; Phạm Thị Vân; Bùi Văn Diệu - Trương Thị Hạnh; Tạ Văn Thành - Nguyễn Thị Nhân; Hồ Sỹ Hưng - Lữ Thị Phấn; Trần Ngọc Đông - Nguyễn Thị Thùy; Trần Tuấn Nghĩa; Trần Thị Chúc Ly; Hoàng Văn Chương - Nguyễn Thị Hồng Nhung; Phạm Thị Hương; Lê Đức Đoàn - Nguyễn Thị Ánh Tuyết; Lê Đình Xuân - Trần Thị Hồng Ngân (ông Đinh Văn Bằng là người có liên quan); Nguyễn Tuấn Phong; Lê Thị Hải Yến (ông Hồ Đình Hậu là người có liên quan); Nguyễn Thị Thu Hồng (ông Võ Văn Sỹ là người có liên quan) (đồng sử dụng đất).	Phường 11, thành phố Vũng Tàu	0,00	0,00	36,10	0,00	0,00	25.955.900	Diện tích 36,10m2 đã thu hồi, bồi thường tại Quyết định số 302/QĐ-UBND, 314/QĐ-UBND ngày 12/01/2023, nay bổ sung chênh lệch vị trí đất từ vị trí 5 đường Bắc Sơn (đường loại 4) sang vị trí 5 đường 30/4 (đường loại 2) theo văn bản điều chỉnh vị trí của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1089/TNMT-BT ngày 22/3/2023, đã được Hội đồng bồi thường hỗ trợ và TĐC thống nhất ngày 14/4/2023.				25.955.900	
TỔNG CỘNG:			267,00	267,00	607,10	0,00	267,00	1.293.599.900	0	0	0	400.000	1.293.999.900	

- * Diện tích đất thu hồi : 267,00 m2.
- * Diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ : 0,00 m2.
- * Diện tích đất đủ điều kiện bồi thường : 267,00 m2 (đất nông nghiệp)
- * Diện tích đất đã thu hồi, bồi thường : 607,10 m2 (đất nông nghiệp)

* Diện tích đất tính bồi thường bổ sung chênh lệch vị trí đất từ vị trí 5 đường Bắc Sơn (đường loại 4) sang vị trí 5 đường 30/4 (đường loại 2) theo văn bản điều chỉnh vị trí của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1089/TNMT-BT ngày 22/3/2023, đã được Hội đồng bồi thường hỗ trợ và TĐC thống nhất ngày 14/4/2023.	:	0,00	m2 (đất nông nghiệp)
* Số hộ dân có tài sản bị giải tỏa	:	06	hộ dân (02 hộ bổ sung)
* Số hộ tái định cư	:	0	hộ dân
* Số hộ giao đất ở mới	:	0	hộ dân
* Kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân	:	1.293.999.900	đồng (1)
* Kinh phí 2% phục vụ BTGPMB	1.293.999.900 x 2 % :	25.879.998	đồng (2)
<i>Cụ thể:</i>			
+ Hội đồng BT, HT & TĐC, TP.Vũng Tàu (11%)	:	2.846.800	đồng;
+ Trung tâm phát triển quỹ đất, TP.Vũng Tàu (65%)	:	16.821.998	đồng;
+ Phòng Tài nguyên và Môi trường, TP.Vũng Tàu (1%)	:	2.846.800	đồng;
+ Ban QLDA đầu tư xây dựng 1 (2%)	:	517.600	đồng;
+ UBND phường 11, TP.Vũng Tàu (5%)	:	1.294.000	đồng;
+ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất thành phố (1%)	:	258.800	đồng;
+ Sở Tài chính tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (1%)	:	258.800	đồng;
+ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2%)	:	517.600	đồng;
+ Chi cục Quản lý Đất đai (2%)	:	517.600	đồng.
* Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ (1) + (2)	:	1.319.879.898	đồng.

(Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm mười chín triệu, tám trăm bảy mươi chín ngàn, tám trăm chín mươi tám đồng)

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Vũ Thành

0
0

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hoàng Vũ Thành

2738010,5

2738010,5

5476020,9